

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

ĐVT: VND

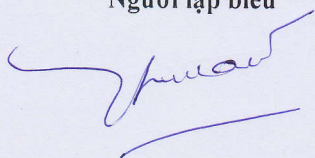
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		868.124.345.392	569.559.558.865
03	2. Các khoản giảm trừ		13.627.968	18.483.535
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	868.110.717.424	569.541.075.330
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	812.480.651.891	515.051.466.102
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.630.065.533	54.489.609.228
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	8.428.563.684	12.051.742.401
22	7. Chi phí tài chính	6.4	658.508.222	320.050.000
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		193.508.222	-
24	8. Chi phí bán hàng	6.5	19.544.481.687	20.383.996.682
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.6	13.309.809.289	14.968.786.217
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.545.830.019	30.868.518.730
31	11. Thu nhập khác	6.7	3.513.566.154	1.470.700.840
32	12. Chi phí khác	6.8	44.500.000	298.318.042
40	13. Lợi nhuận khác		3.469.066.154	1.172.382.798
50	14. Lợi nhuận/lỗ của công ty liên kết, liên doanh		-	-
60	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		34.014.896.173	32.040.901.528
61	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.9	8.512.932.012	8.090.211.691
62	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	6.10	11.363.637	11.363.637
70	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		25.490.600.524	23.939.326.200
	Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập của cổ đông của công ty mẹ		25.490.600.524	23.939.326.200
80	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.11	5.693	6.840

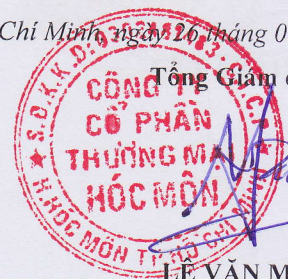
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỊ THU VÂN

LÊ THỊ MỘNG ĐIỆP

LÊ VĂN MỸ